TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ TẺH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TẺH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Đạo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hồng Loan

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Đạ Tẻh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 26/7/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐST-DS ngày 28/8/2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024, giữa":

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt."

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị Bạch T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Vào khoảng tháng 2 hoặc tháng 3 năm 2023 ông H có cho bà T vay số tiền là 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)* tuy nhiên do quen biết nhau nên giữa hai bên không làm giấy tờ gì mà chỉ hẹn khi nào ông H cần thì bà T phải thu xếp tiền để trả. Sau đó đến tháng 12 năm 2023 ông H được biết bà T cũng đã vay tiền của rất nhiều người mà không lập giấy tờ gì và cũng không trả tiền cho ai nên đến ngày 02/01/2024 ông H đã cùng những người cho vay khác đến nhà bà

T để yêu cầu bà T trả tiền. Tuy nhiên bà T không có tiền trả nên bà T đã tự tay viết một tờ giấy ghi là "đơn xin nhận nợ" có nội dung thừa nhận mượn tiền và liệt kê họ và tên cũng như số tiền cụ thể và chữ ký xác nhận bên cạnh của của từng người, trong đó có nội dung như sau: "… Hiện tại tôi có mượn của những người sau: … Nguyễn Hữu H 70 triệu". Bà T cũng viết nội dung hứa sau khi bán đất xong và làm trả từ từ cho mọi người. Bà T xin mọi người tiền lãi còn số tiền gốc hứa sẽ trả cho mọi người trong vòng 6 tháng kể từ ngày 02/01/2024 đến ngày 02/6/2024. Tuy nhiên đến hết đến 02/6/2024 bà T mới chỉ trả thêm cho ông H được 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Sau đó ông H có nhiều lần đến nhà bà T để đòi tiền nhưng không gặp được bà T.

Nay ông Nguyễn Hữu H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị Bạch T phải trả số tiền gốc là 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà T nhưng bà T không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tống đạt kết quả của phiên họp cho bà T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã tiến hành cấp tống đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H về việc buộc bà Đoàn Thị Bạch T phải trả số tiền gốc là 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng).* Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Xuất phát từ việc ông Nguyễn Hữu H khởi kiện bà Đoàn Thị Bạch T về việc bà T có vay tiền của ông H nhưng đến hẹn vẫn chưa trả đủ nên phát sinh

phát sinh tranh chấp. Tại "đơn xin nhận nợ" bà T đã cung cấp và xác nhận chỗ ở của bà T là tại Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Bị đơn bà Đoàn Thị Bạch T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2024, công an xã T cung cấp kết quả xác minh như sau: "Bà Đoàn Thị Bạch T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình giải quyết tranh chấp về việc vay tài sản của bà T thì bà T đã bỏ khỏi địa phương nhưng mẹ ruột của bà T là bà Lê Thị S vẫn còn sinh sống tại Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Công an xã T kiểm tra trên hệ thống dân cư thì thấy bà T chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại bất cứ địa điểm nào." Đối chiếu theo quy định tại Nghị định số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ mà không thông báo cho ông H biết về nơi cư mới được xem là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính "đơn xin nhận nợ" do chính tay bà T tự viết và ký tên trong đó thể hiện nội dung bà T có nợ của ông H số tiền là 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)* và hẹn đến ngày 02/6/2024 sẽ trả. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cũng như các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T nhưng bà T không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H cũng như không nộp bất kì tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc mình không vay hoặc đã trả xong cho ông H. Mặc dù ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả bà T đã trả được cho ông H số tiền là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* nhưng xét thấy việc ông H tự nguyện thừa nhận như trên là hoàn toàn có lợi cho bà T. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh do một bên đương sự thừa nhận hoặc không có yêu cầu phản đối. Vì vậy việc ông H căn cứ vào "đơn xin nhận nợ" để khởi kiện bà T là hoàn toàn có cơ sở.

Xét thấy tại "đơn xin nhận nợ" thể hiện số tiền cụ thể mà bà T đã mượn của ông H và có thể hiện thời hạn trả tiền và xin không trả lãi. Quá thời hạn mà bà T đã cam kết và ông H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà T mới chỉ trả ông H 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Như vậy bà T vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ của mình. Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định

đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi nên việc ông H khởi kiện bà T yêu cầu phải trả số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Hữu H buộc bà Đoàn Thị Bạch T phải trả cho ông H số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Đoàn Thị Bạch T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là: 60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H.

Buộc bà Đoàn Thị Bạch T phải trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*.

" *Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015*".

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đoàn Thị Bạch T phải chịu số tiền án phí có ngạch của vụ án là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Hoàn trả lại số cho ông Nguyễn Hữu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008029 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện huyện Đạ Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đạ Tẻh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Đạo